

Bản án số: 02/2024/HNGĐ - ST

Ngày 12/01/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hà và bà Tạ Văn Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cháng Thị M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Giàng A H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn O – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Q, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2023, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Cháng Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Cháng Thị M và anh Giàng A H qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C (nay là

huyện L) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 26/01/2010. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi, không quan tâm đến vợ con và không vun vén hạnh phúc gia đình, vợ chồng đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập dẫn tới khó khăn về kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Giàng A H.

- Về con chung: Có 02 con là Giàng Thị H1, sinh ngày 23/8/2010 và Giàng Thị D, sinh ngày 27/6/2012, khi ly hôn chị M đề nghị giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Giàng A H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị Cháng Thị M qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 26/01/2010 do UBND xã B, huyện C (nay là huyện L) cấp. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng có vài lần xảy ra cãi chửi nhau, tuy nhiên anh chưa lần nào đánh đập chị M. Đầu năm 2023 vợ chồng anh chị đi làm công nhân tại tỉnh khác, chị M tự ý chuyển phòng trọ không cho anh biết nên từ đó anh không liên lạc được với chị M. Anh H xác định tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng nên không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị M.

- Về con chung: Có 02 con là Giàng Thị H1, sinh ngày 23/8/2010 và Giàng Thị D, sinh ngày 27/6/2012. Do không nhất trí ly hôn nên anh H không đề nghị giải quyết về quyền nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cháng Thị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì. Bị đơn anh Giàng A H vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ và không có quan điểm ý kiến gì khác gửi đến Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cháng Thị M, cho chị Cháng Thị M được ly hôn anh Giàng A H;

+ Về con chung: Giao các cháu Giàng Thị H1, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Giàng Thị D, sinh ngày 27/6/2012 cho chị Cháng Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Giàng A H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, không đề cập xem xét.

+ Về án phí: Chị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Anh H không phải chịu án phí.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với toàn bộ nội dung yêu cầu đề nghị của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cháng Thị M, cho chị Cháng Thị M được ly hôn anh Giàng A H; Về con chung: Giao các cháu Giàng Thị H1, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Giàng Thị D, sinh ngày 27/6/2012 cho chị Cháng Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Giàng A H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cháng Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Giàng A H; Anh Giàng A H có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cháng Thị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Giàng A H vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cháng Thị M và anh Giàng A H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L (trước đây là huyện C), tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 26/01/2010. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã B, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi, không quan tâm đến vợ con và không vun vén hạnh phúc gia đình, vợ chồng không có thu nhập, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Giàng A H.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 12/12/2023 (BL.50) thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã phát sinh từ năm lâu, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc xây dựng nhà cửa, làm ăn kinh tế, nhiều lần xảy ra cãi vã, hiện anh H đi làm ăn xa, rất ít khi trở về địa phương, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau và cũng đã ly thân nhau, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Cháng Thị M, cho chị M được ly hôn anh Giàng A H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị M và anh H có 02 con là cháu Giàng Thị H1, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Giàng Thị D, sinh ngày 27/6/2012. Hiện 02 cháu đang ở cùng với chị M. Tại biên bản lấy lời khai, cháu H1, cháu D đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn (BL.33 - 34). Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn; anh H không có quan điểm đề nghị về quyền nuôi con cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xét cần xử giao cháu Giàng Thị H, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Giàng Thị D, sinh ngày

27/6/2012 cho chị Cháng Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và không anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Cháng Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định (với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí); anh Giàng A H không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cháng Thị M.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Cháng Thị M được ly hôn anh Giàng A H.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Thị H1, sinh ngày 23/8/2010 và cháu Giàng Thị D, sinh ngày 27/6/2012 cho chị Cháng Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Giàng A H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Cháng Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Giàng A H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự huyện;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã B (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Tiến